

A. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 TOÁN 6

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				NB	TH	VD	VDC
ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Nhận biết: - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số tự nhiên	2 (TN 1) (TN 14)			
			Thông hiểu: - Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. - Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		3 (TN7, 8) (TL2)		
			Vận dụng: - Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.			1 TL1	
		<i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	Nhận biết: - Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	1 (TN 2)			
Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).				1 TL3a			

		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết : - Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. - Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. - Nhận biết được phân số tối giản.	5 (TN3;6,9,12,13)			
			Vận dụng cao: - Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>).				1 (TL3b)
HÌNH HỌC							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: - Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	3 TN 4,5,10			
			Thông hiểu: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).		1 TN11		
	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân		Nhận biết - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TL 15)			
			Thông hiểu - Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).		1 (TL4a)		
			Vận dụng - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1 (TL4b)	
	Tổng			12	5	3	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

B. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI – HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN6

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK I

MÔN: TOÁN 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào là tập hợp các số tự nhiên? (NB)

A. $N = \{1; 2; 3; \dots\};$

B. $N = \{0; 1; 2; 3; \dots\};$

C. $N = \{0\};$

D. $N = \{0; 1; 2; 3\}.$

Câu 2: Đối với biểu thức có chứa nhiều dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng? (NB)

A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow () ;$

B. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \} ;$

C. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \} ;$

D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow [] .$

Câu 3: Trong các phân số dưới đây, phân số nào là phân số tối giản? (NB)

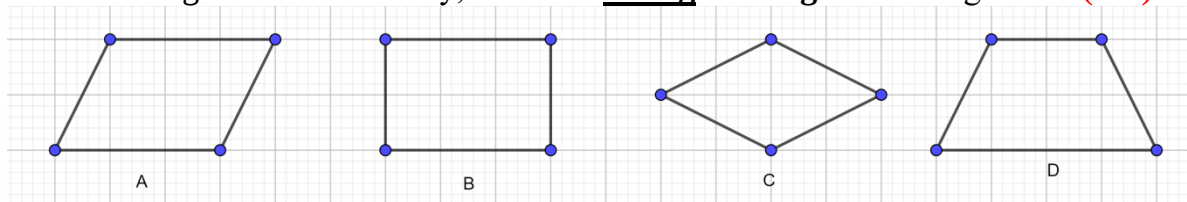
A. $\frac{5}{8};$

B. $\frac{6}{8};$

C. $\frac{7}{14};$

D. $\frac{2}{6}.$

Câu 4: Trong các hình dưới đây, hình nào **không** có các góc đối bằng nhau? (NB)



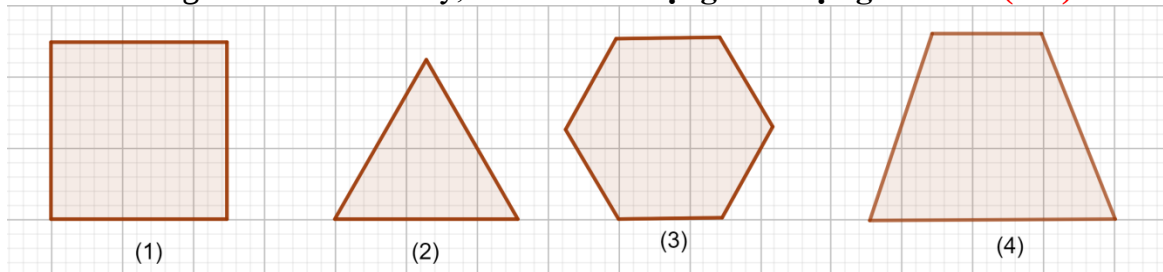
A. Hình A;

B. Hình B;

C. Hình C;

D. Hình D.

Câu 5: Trong các hình dưới đây, hình nào có dạng hình lục giác đều? (NB)



A. Hình (1);

B. Hình (2);

C. Hình (3);

D. Hình (4).

Câu 6: Trong các phép chia sau, phép chia nào là phép chia có dư? (NB)

A. $21:7 ;$

B. $16:5;$

C. $12:4 ;$

D. $6:3.$

Câu 7: Giá trị viết trong hệ thập phân của số La Mã XI là (TH)

A. 4;

B. 6;

C. 9;

D. 11.

Câu 8: Giá trị của chữ số 3 trong số 13405 là (TH)

A. 3;

B. 30;

C. 300;

D. 3000.

Câu 9: Trong các số sau, số nào là bội của 3? (NB)

A. 9;

B. 8;

C. 7;

D. 5.

Câu 10: Trong tam giác đều có (NB)

A. ba góc bằng nhau và bằng 60° ;

B. ba góc bằng nhau và bằng 90° ;

C. ba cạnh bằng nhau và bằng 60° ;

D. các góc bằng nhau và bằng 120° .

Câu 11: Một hình vuông có độ dài một cạnh là 5cm, thì diện tích của hình vuông đó là (TH)

A. 20cm^2 ;

B. 25cm^2 ;

C. 5cm^2 ;

D. 10cm^2 .

Câu 12: Trong các số sau, số nào là số nguyên tố? (NB)

- A. 4; B. 6; C. 9; D. 7.

Câu 13: Trong các tập hợp sau, tập nào chỉ gồm các số đều là hợp số? (NB)

- A. {1;4;6}; B. {2;3;5}; C. {2;4;6}; D. {8;9;10}.

Câu 14: Số liền sau của số 2022 là (NB)

- A. 2020; B. 2021; C. 2022; D. 2023.

Câu 15: Hình thoi là hình (NB)

- A. có bốn cạnh bằng nhau; C. có hai đường chéo bằng nhau;
B. bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông; D. có bốn góc bằng nhau và bằng 90^0 .

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài 1 (0,5 điểm): Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10\}$

Viết tập hợp A bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng. (VD)

Bài 2 (1 điểm): Cho số 12403 (TH)

- a) Viết số 12403 thành tổng giá trị các chữ số của nó?
b) Chữ số 2 trong số 12403 có giá trị là bao nhiêu?

Bài 3 (1,75 điểm):

- a) Thực hiện phép tính: $5^3 : 5^2 + 12 \cdot 2^2$ (VD 0,75đ)

b) Cô tổng phụ trách Đội cần chia số trái cây trong đó 48 quả cam và 54 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Là một thành viên trong Liên Đội em hãy giúp xem cô có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa? (VDC 1đ)

Bài 4 (1,75 điểm):

Nhà trường muốn lát nền cho một nhà đa năng hình chữ nhật có chiều dài là 50m, chiều rộng là 12m. Loại gạch lát nền được sử dụng là gạch hình vuông có cạnh dài 50 cm.

- a) Tính diện tích của nền nhà đa năng hình chữ nhật? (TH 1đ)

b) Hỏi nhà trường cần bao nhiêu tiền để lát đủ diện tích nền nhà, biết rằng giá của mỗi viên gạch là 35 000 đồng? (Coi mạch vữa không đáng kể) (VD 0,75đ)

-----Hết-----

Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

<i>Người duyệt đề</i>	<i>Người ra đề</i>
	<i>Nguyễn Thị Kim Ánh</i>

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	B	C	A	D	C	B	D	D	A	A	B	D	D	D	A

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1 0,5đ	$A = \{x \in \mathbb{N}^* / x \leq 10\}$	0,5
2 1 đ	a) $12403 = 1.10000 + 2.1000 + 4.100 + 3$ b) Chữ số 2 trong số 12403 có giá trị là 2000	0,5 0,5
3 1,5đ	$5^3 : 5^2 + 12 \cdot 2^2$ $= 5 + 12 \cdot 4$ $= 5 + 48$ $= 53$	0,25 0,25 0,25
	a) Gọi a là số đĩa nhiều nhất có thể chia Theo đề ta có $a = \text{ƯCLN}(48; 54)$ $48 = 2^4 \cdot 3; 54 = 2 \cdot 3^3$ $a = \text{ƯCLN}(48; 54) = 2 \cdot 3 = 6$ Vậy số đĩa nhiều nhất có thể chia là 6 đĩa.	0,25 0,25 0,25 0,25
	a) Diện tích của nền nhà đa năng hình chữ nhật là $50 \cdot 12 = 600\text{m}^2$	1,0
4 1,5đ	b) Diện tích của mỗi viên gạch dùng để lát nền là: $50 \cdot 50 = 2500 \text{ cm}^2 = 0,25 \text{ m}^2$ Số viên gạch nhà trường cần phải mua là: $600 : 0,25 = 2400$ (viên gạch) Số tiền nhà trường cần dùng để mua gạch là: $2400 \cdot 35000 = 84000000$ (đồng)	0,25 0,25 0,25

*** ĐỐI VỚI HSKT:**

- HSKT chỉ cần yêu cầu làm các câu TN ở mức độ nhận biết (NB), thông hiểu (TH);
Còn phần tự luận thì chỉ yêu cầu làm bài 2 và bài 4b.

- Đáp án dành cho bài làm của HSKT:

Mỗi câu TN đúng là ghi 0,5đ. (15 câu = 7,5đ)

Bài 2 đúng câu a ghi 0,75đ; câu b ghi 0,75đ.

Bài 4 a đúng ghi 1đ

Lưu ý:

1) Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.

2) Cách tính điểm toàn bài = Số câu TN đúng x 0,25 + điểm TL

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1: Trong các tập hợp sau, tập hợp nào là tập hợp các số tự nhiên?

- A. $N = \{1; 2; 3; \dots\};$ B. $N = \{0; 1; 2; 3; \dots\};$
C. $N = \{0\};$ D. $N = \{0; 1; 2; 3\}.$

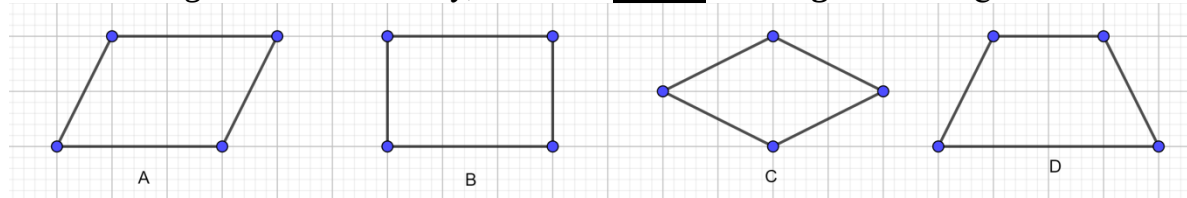
Câu 2: Đối với biểu thức có chứa nhiều dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng?

- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow () ;$ B. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \} ;$
C. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \} ;$ D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow [] .$

Câu 3: Trong các phân số dưới đây, phân số nào là phân số tối giản?

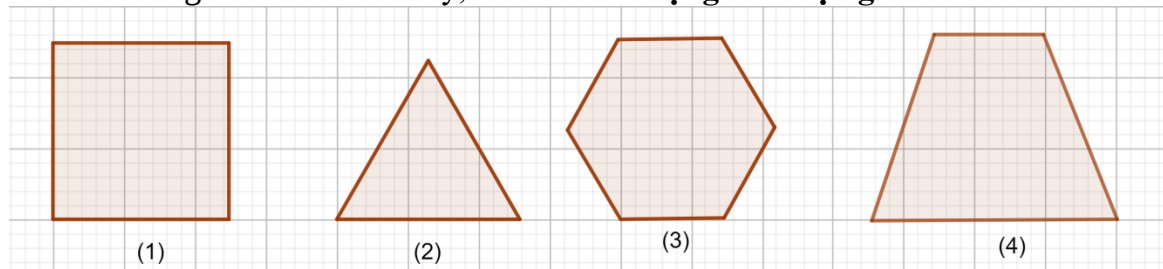
- A. $\frac{5}{8};$ B. $\frac{6}{8};$ C. $\frac{7}{14};$ D. $\frac{2}{6}.$

Câu 4: Trong các hình dưới đây, hình nào **không** có các góc đối bằng nhau?



- A. Hình A; B. Hình B; C. Hình C; D. Hình D.

Câu 5: Trong các hình dưới đây, hình nào có dạng hình lục giác đều?



- A. Hình (1); B. Hình (2); C. Hình (3); D. Hình (4).

Câu 6: Trong các phép chia sau, phép chia nào là phép chia có dư?

- A. $21:7 ;$ B. $16:5 ;$ C. $12:4 ;$ D. $6:3.$

Câu 7: Giá trị viết trong hệ thập phân của số La Mã XI là

- A. 4; B. 6; C. 9; D. 11.

Câu 8: Giá trị của chữ số 3 trong số 13405 là

- A. 3; B. 30; C. 300; D. 3000.

Câu 9: Trong các số sau, số nào là bội của 3?

- A. 9; B. 8; C. 7; D. 5.

Câu 10: Trong tam giác đều có

- A. ba góc bằng nhau và bằng 60° ; B. ba góc bằng nhau và bằng 90° ;
C. ba cạnh bằng nhau và bằng 60° ; D. các góc bằng nhau và bằng 120° .

Câu 11: Một hình vuông có độ dài một cạnh là 5cm, thì diện tích của hình vuông đó là

A. 20cm^2 ; B. 25cm^2 ; C. 5cm^2 ; D. 10cm^2 .

Câu 12: Trong các số sau, số nào là số nguyên tố?

A. 4; B. 6; C. 9; D. 7.

Câu 13: Trong các tập hợp sau, tập nào chỉ gồm các số đều là hợp số?

A. $\{1;4;6\}$; B. $\{2;3;5\}$; C. $\{2;4;6\}$; D. $\{8;9;10\}$.

Câu 14: Số liền sau của số 2022 là

A. 2020; B. 2021; C. 2022; D. 2023.

Câu 15: Hình thoi là hình

A. có bốn cạnh bằng nhau; C. có hai đường chéo bằng nhau;
B. bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông; D. có bốn góc bằng nhau và bằng 90° .

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài 1 (0,5 điểm): Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9;10\}$

Viết tập hợp A bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng.

Bài 2 (1 điểm): Cho số 12403

a) Viết số 12403 thành tổng giá trị các chữ số của nó?

b) Chữ số 2 trong số 12403 có giá trị là bao nhiêu?

Bài 3 (1,75 điểm):

a) Thực hiện phép tính: $5^3 : 5^2 + 12 \cdot 2^2$

b) Cô tổng phụ trách Đội cần chia số trái cây trong đó 48 quả cam và 54 quả mận vào các đĩa bánh kẹo trung thu sao cho số quả mỗi loại trong các đĩa là bằng nhau. Là một thành viên trong Liên Đội em hãy giúp xem cô có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu đĩa?

Bài 4 (1,75 điểm):

Nhà trường muốn lát nền cho một nhà đa năng hình chữ nhật có chiều dài là 50m, chiều rộng là 12m. Loại gạch lát nền được sử dụng là gạch hình vuông có cạnh dài 50 cm.

a) Tính diện tích của nền nhà đa năng hình chữ nhật?

b) Hỏi nhà trường cần bao nhiêu tiền để lát đủ diện tích nền nhà, biết rằng giá của mỗi viên gạch là 35 000 đồng? (Coi mạch vữa không đáng kể)

-----Hết-----

Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

BẢNG MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2023 - 2024
MÔN: GDCD – Lớp 6

Câu	Mức	Điểm	Chuẩn đánh giá	Ghi chú
I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM				
Câu 1	Biết	0.33	Biết khái niệm giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình	
Câu 2	Biết	0.33	Biết được lựa chọn đúng truyền thống hiếu học	
Câu 3	Biết	0.33	Biết được lựa chọn trường hợp sai về truyền thống	
Câu 4	Thông hiểu	0.33	Hiểu và lựa chọn đúng ý nghĩa giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ	
Câu 5	Vận dụng thấp	0.33	Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp	
Câu 6	Biết	0.33	Biết được biểu hiện yêu thương con người	
Câu 7	Biết	0.33	Biết được nội dung ý nghĩa yêu thương con người	
Câu 8	Biết	0.33	Biết được nội dung ý nghĩa yêu thương con người	
Câu 9	Thông hiểu	0.33	Hiểu và lựa chọn đúng việc làm biểu hiện của yêu thương con người	
Câu 10	Vận dụng thấp	0.33	Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp	
Câu 11	Biết	0.33	Biết được khái niệm siêng năng	
Câu 12	Biết	0.33	Biết được nội dung biểu hiện của đức tính kiên trì	
Câu 13	Biết	0.33	Biết được nội dung biểu hiện của đức tính siêng năng	
Câu 14	Thông hiểu	0.33	Hiểu và lựa chọn đúng việc làm của đức tính siêng năng, kiên trì	
Câu 15	Vận dụng thấp	0.33	Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp	
II/ PHẦN TỰ LUẬN				
Câu 1	Biết	1.0	Nêu được khái niệm yêu thương con người	
Câu 1	Thông hiểu	1.0	Hiểu được giá trị của yêu thương con người	
Câu 2	Thông hiểu	1.0	Mô tả được các biểu hiện yêu thương con người	
Câu 3	Vận dụng thấp	1.0	Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống	
Câu 4	Vận dụng cao	1.0	Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: GD CD LỚP 6
Năm học: 2023 – 2024

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Thấp	Cao	
Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ (5 câu TN: câu 1,2,3,4,5; 1 câu TL: câu 4)	- TN: Biết khái niệm giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình - TN: Biết được lựa chọn đúng truyền thống hiếu học - TN: Biết được lựa chọn trường hợp sai về truyền thống	- TN: Hiểu và lựa chọn đúng ý nghĩa giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ	- TN: Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp	- TL: Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề	
<i>Số câu :</i> <i>Số điểm:</i> <i>Tỉ lệ :</i>	<i>Số câu 3</i> <i>Số điểm: 1</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 0,33</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 0,33</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 1</i>	<i>Số câu 6</i> <i>Số điểm 2,67</i> <i>Tỉ lệ: 26,7 %</i>
Bài 2: Yêu thương con người (5 câu TN: câu 6,7,8,9,10; 1 câu TL: câu 1,2)	- TN: Biết được biểu hiện yêu thương con người - TN: Biết được nội dung ý nghĩa yêu thương con người (2 câu) - TL: Nêu được khái niệm yêu thương con người	- TN: Hiểu và lựa chọn đúng việc làm biểu hiện của yêu thương con người - TL: Hiểu được giá trị của yêu thương con người - TL: Mô tả được các biểu hiện yêu thương con người	- TN: Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp		
<i>Số câu :</i> <i>Số điểm :</i> <i>Tỉ lệ:</i>	<i>Số câu 3+1/2</i> <i>Số điểm: 2</i>	<i>Số câu 2+1/2</i> <i>Số điểm: 2,33</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 0,33</i>		<i>Số câu : 7</i> <i>Số điểm: 4,67</i> <i>Tỉ lệ: 46,7%</i>
Bài 3: Siêng năng, kiên trì (5 câu TN: 11,12,13,14,15; 1 câu TL: câu 3)	- TN: Biết được khái niệm siêng năng - TN: Biết được nội dung biểu hiện của đức tính kiên trì - TN: Biết được nội dung biểu	- TN: Hiểu và lựa chọn đúng việc làm của đức tính siêng năng, kiên trì	- TN: Phân tích lựa chọn nội dung đúng về trường hợp - TL: Vận dụng kiến thức để giải quyết tình		

	hiện của đức tính siêng năng		huống		
<i>Số câu :</i> <i>Số điểm :</i> <i>Tỉ lệ:</i>	<i>Số câu 3</i> <i>Số điểm: 1</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 0,33</i>	<i>Số câu 2</i> <i>Số điểm: 1,33</i>		<i>Số câu : 6</i> <i>Số điểm: 2,67</i> <i>Tỉ lệ:26,7%</i>
<i>Tổng số điểm:</i> <i>Tỷ lệ:</i>	<i>Số điểm:4</i> <i>Tỷ lệ:40%</i>	<i>Số điểm:3</i> <i>Tỷ lệ:30%</i>	<i>Số điểm:2</i> <i>Tỷ lệ:20%</i>	<i>Số điểm:1</i> <i>Tỷ lệ:10%</i>	<i>Số điểm:10</i> <i>Tỉ lệ : 100%</i>

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN Họ và tên: Lớp: 6/...	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC: 2023 - 2024 MÔN: GDCD 6 Thời gian làm bài: 45 phút	ĐIỂM
---	---	-------------

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tiếp nối, phát triển và làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của gia đình được gọi là

- A. gia đình đoàn kết. B. gia đình hạnh phúc.
C. giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình. D. gia đình văn hóa.

Câu 2: Câu tục ngữ: “Luyện mãi thành tài/ Mệt mãi thành giỏi.” Nói về truyền thống nào dưới đây?

- A. Truyền thống đoàn kết B. Truyền thống hiếu học
C. Truyền thống tôn sư trọng đạo D. Truyền thống yêu nước

Câu 3: Đâu **không phải** là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta?

- A. Truyền thống hiếu học B. Buôn thần, bán thánh
C. Truyền thống yêu nước D. Truyền thống nhân nghĩa

Câu 4: Ý nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Có thêm kinh nghiệm. B. Có thêm tiền tiết kiệm.
C. Có rất nhiều bạn bè. D. Không phải lo về việc làm

Câu 5: Gia đình bạn A luôn động viên con cháu trong gia đình theo ngành Y để chữa bệnh cứu người, nối tiếp truyền thống của thế hệ trước trong gia đình. Việc làm đó thể hiện điều gì?

- A. Yêu thương, động viên con cháu trong gia đình, dòng họ.
B. Giúp đỡ, khích lệ con cháu trong gia đình, dòng họ.
C. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.
D. Quan tâm động viên con cháu trong gia đình, dòng họ.

Câu 6: Một trong những biểu hiện của lòng yêu thương con người là

- A. làm những điều mình thích cho người khác.
B. hạ thấp nhân phẩm của người được giúp đỡ.
C. mục đích sau này được người đó trả ơn.
D. hi sinh quyền lợi của mình vì người khác.

Câu 7: Nội dung ý nghĩa lòng yêu thương con người là

- A. giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm. B. góp phần xây dựng cộng đồng an toàn.
C. tạo ra sự nghi ngờ về bản thân. D. giúp bản thân được nổi tiếng.

Câu 8: Yêu thương con người sẽ nhận được điều gì?

- A. Mọi người nể phục B. Mọi người xa lánh.
C. Mọi người yêu quý D. Mọi người có trách nhiệm

Câu 9: Đâu là biểu hiện của lòng yêu thương con người?

- A. Chỉ cần yêu thương những người trong gia đình, dòng họ.
B. Yêu thương là phải nghĩ tốt, bênh vực cả những điều xấu.
C. Tích cực tham gia hoạt động nuôi dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng.
D. Giúp đỡ người khác và mong người đó trả ơn lại cho mình.

Câu 10: Khi đi xe buýt, bạn A trông thấy một phụ nữ mang thai, bạn đã nhanh chóng nhường ghế của mình cho người phụ nữ ấy ngồi. Việc làm của bạn A thể hiện điều gì?

- A. Thích thể hiện trước đám đông. B. Lòng yêu thương con người của bạn ấy.
C. Tinh thần tôn trọng người lớn tuổi. D. Muốn được mọi người trên xe khen tặng.

Câu 11: Đức tính con người biểu hiện ở sự cần cù, tự giác, miệt mài, làm việc thường xuyên, đều đặn là khái niệm nào dưới đây?

- A. Trung thực B. Kiên trì C. Tự giác D. Siêng năng

Câu 12: Biểu hiện của sự kiên trì là

- A. miệt mài làm việc. B. quyết tâm làm đến cùng.
C. thường xuyên làm việc. D. tự giác làm việc.

Câu 13: Đâu là biểu hiện của siêng năng?

A. Cần cù B. Nản lòng C. Hời hợt D. Chóng chán

Câu 14: Ý kiến nào dưới đây **đúng** khi nói về tính siêng năng, kiên trì?

- A. Làm việc nhà khi được bố mẹ nhắc nhở.
- B. Nếu gặp bài tập khó thì nên bỏ qua.
- C. Siêng năng không giỏi được, chỉ cần thông minh.
- D. Siêng năng, kiên trì sẽ giúp thành công trong cuộc sống.

Câu 15: Bạn N ham mê trò chơi điện tử, nên dành rất ít thời gian cho việc học. Kết quả là bạn học rất xa sút, cô giáo chủ nhiệm đã gọi điện về thông báo với gia đình. Trong trường hợp này, nếu em là bạn của N em sẽ làm gì?

- A. Nhờ bạn dạy thêm những trò mới
- B. Mặc kệ, đây là lựa chọn của bạn
- C. Khuyên bạn hạn chế chơi, chăm chỉ học
- D. Đi nói xấu bạn với các bạn trong lớp

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1: Thế nào là yêu thương con người? Theo em, giá trị của tình yêu thương con người là gì? (2 điểm)

Câu 2: Biểu hiện của tình yêu thương con người là gì? (1 điểm)

Câu 3: Kết quả học môn Toán của Nga chưa tốt. Nhưng Nga thường xuyên không làm những bài tập Toán cô giáo giao về nhà vì ngại khó. Em có suy nghĩ gì trong tình huống này? (1 điểm)

Câu 4: Gia đình Hải có nghề truyền thống làm đồ chơi Trung thu. Bố mẹ của Hải vẫn luôn say mê làm ra những chiếc đèn ông sao, đèn lồng... và mong muốn bạn tiếp nối nghề truyền thống của gia đình. Có người khuyên Hải không nên theo nghề truyền thống này vì không còn phù hợp với xu thế hiện nay. Nếu là bạn của Hải, em sẽ khuyên Hải như thế nào ? (1 điểm)

-----Hết-----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ I MÔN GD CD 6

A. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất: (Mỗi câu đúng được 0,33 điểm), (3 câu đúng được 1 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	C	B	B	A	C	D	B	C	C	B	D	B	A	D	C

B. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

- Nêu đúng khái niệm: Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn. (1 điểm)

- Nêu đúng nội dung sau: Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống ; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn ; làm cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó ; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh và tốt đẹp hơn. Người biết yêu thương con người sẽ được mọi người yêu quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy.(1 điểm)

Câu 2: (1 điểm)

Biểu hiện của tình yêu thương con người thể hiện ở sự đồng cảm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau ; tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện ; biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác khi họ sửa chữa ; khi cần thiết có thể hy sinh quyền lợi bản thân vì người khác ;...

Câu 3: (1 điểm)

Em nghĩ Nga chưa có nhận thức đúng về cách học tập môn Toán nên đã dẫn đến kết quả chưa tốt. Để cải thiện kết quả, Nga cần siêng năng hơn trong học tập, đồng thời kiên trì tìm ra cách giải những bài toán cô giao về nhà. Từ đó kết quả môn Toán sẽ được cải thiện.

Câu 4: (1 điểm)

Hải nên tiếp nối nghề truyền thống của gia đình. Vì đó là một trong nghề truyền thống đẹp của người dân Việt Nam. Dù cuộc sống có hiện đại như thế nào thì những món đồ chơi truyền thống như chiếc đèn ông sao, đèn lồng,... không có giá trị kinh tế nhiều thì nó vẫn luôn là món đồ chơi có giá trị tinh thần đối với tuổi thơ của những trẻ con.

Đối với học sinh thuộc diện khuyết tật:

Phần Trắc nghiệm : Chỉ cần trả lời các câu (1,2,3,6,7,8,11,12,13,14)

- Mỗi câu đúng ghi 0,5 điểm.

- Nếu học sinh trả lời đúng ngoài các câu qui định trên thì mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Trường hợp học sinh trả lời đúng tất cả các câu đã quy định thì không cộng thêm điểm từ các câu hỏi ngoài quy định.

Phần Tự luận: Chỉ cần trả lời Câu 1

- Ý 1 (3 điểm)

- Ý 2 (2 điểm)

Hiệu trưởng ký duyệt (Ký, đóng dấu)	Người duyệt đề (Ký và ghi rõ họ tên)	Người ra đề (Ký và ghi rõ họ tên)
	Đỗ Dũng	Võ Văn Tuyền

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

Năm học 2023-2024

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	VB truyện cổ tích	6	0	2	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			30	10	10	10	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			40%		20%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6
Năm học 2023-2024

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	VBTruyện đồng thoại	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện đồng thoại; ngôi kể; phương thức biểu đạt; từ đồng nghĩa; từ láy, đại từ nhân xưng. Thông hiểu: - Hiểu nghĩa của các chi tiết trong VB; đặc điểm của nhân vật; sự việc trong văn bản; Vận dụng: - Lý giải và rút ra được bài học từ văn bản. - Tác dụng của phép tu từ trong VB.	6 TN	2 TN	2 TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm.	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*
Tổng				6 TN	2 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				40	20	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Năm học 2023-2024

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

Phần I. Đọc-hiểu (6.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÁ CHÉP VÀ CON CUA

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà Cua, thấy Cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, Cá chép con bèn bơi lại gần và hỏi:

- Bạn Cua ơi, bạn làm sao thế?

Cua trả lời:

- Tôi đang lột xác bạn à.

- Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn phải làm như thế?

- Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn Cá chép con ạ!

- À, bây giờ thì tôi đã hiểu.

(Những mẫu chuyện thiếu nhi chọn lọc – NXB Kim Đồng)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu 1: Thể loại của đoạn trích trên là:

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyện thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên được kể ở ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Không có ngôi nào

Câu 3: Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm

B. Tự sự

C. Nghị luận

D. Thuyết minh

Câu 4: Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.

C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.

D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 5: Tìm cặp từ từ đồng nghĩa trong câu văn sau:

“ - Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ!”

A. Họ hàng, nhà tôi

B. Lột xác, lớn lên

C. Lột xác, lớn lên

D. Trưởng thành, lớn lên.

Câu 6: Nhân vật Cua lột xác để làm gì?

A. Để có thân hình đẹp hơn.

B. Để theo tục lệ của họ hàng.

C. Để lớn lên cùng với họ hàng

D. Để lớn lên và trưởng thành.

Câu 7: Có bao nhiêu từ láy trong câu chuyện trên?

A. Một từ

B. Hai từ

C. Ba từ

D. Bốn từ

Câu 8: Những từ ngữ dùng để xưng hô giữa các nhân vật trong câu chuyện trên?

A. Tôi – Bạn

B. Bạn – Tôi

C. Bạn - Mình

D. Tôi - Tôi

Câu 9 (1.0 điểm): Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu chuyện trên ?

Câu 10 (2.0 điểm): Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

Phần II. Làm văn (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI

Phần		Nội dung						Điểm
Phần I. Đọc – hiểu								4.0
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	
B	C	B	A	D	D	A	B	
Mỗi câu đúng được 0.5 điểm								
* Đối với HSKT phần trắc nghiệm làm được các câu ở mức độ nhận biết: Câu 1, 2, 3, 5, 7, 8 (3đ)								
Câu 9	- Biện pháp tu từ nhân hóa: - Tác dụng: Cua và Cá chép được nhân cách hoá như con người, có thể trò chuyện với nhau.⇒ Làm cho thế giới loài vật trở nên phong phú, sinh động, giúp người đọc gần gũi với thế giới loài vật hơn. Đồng thời kích thích sự tò mò, trí tưởng tượng của người đọc. * Đối với HSKT nêu được BPTT nhân hoá (0,5đ)							0.5
								0.5
Câu 2	- HS nêu được những bài học phù hợp: -Chúng ta cần phải dũng cảm đối mặt, đương đầu với khó khăn, thử thách. Trải qua phong ba bão táp, chông gai, con người sẽ trưởng thành hơn và đạt được nhiều thành công trong cuộc sống.							1.0
Phần II. Làm văn (4.0 điểm)								
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.							0.25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh							0.25
	c. Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.							3.0
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.							0.25
	e. Sáng tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc							0.25
	* Đối với HSKT: - Biết dùng ngôi kể thứ nhất (0,5đ) - Viết được một đoạn ngắn giới thiệu được trải nghiệm (có mắc lỗi) (1đ)							

Điện Quang ngày 16 tháng 10 năm 2023

Người ra đề

Duyệt của tổ chuyên môn

Duyệt của Ban giám hiệu

Phan Thị Thuý Nguyệt

PARTS	No. of Questions	Marks	Task types	Re		Com		Low App		High App	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
LANGUAGE COMPONENT (3,0)	2	0,5	Pronunciation: Indicate the word whose underlined part is pronounced differently from the others.	0,5							
	4	1,0	Vocabulary: MCQs: Circle the best option	1.0							
	6	1,5	Grammar: MCQs: Circle the best option Vocabulary: MCQs: Circle the best option	0,5		0.5		0.5			
READING (2,5)	6	1,5	Read the text and fill in the blank (with suitable words from the box)	1,0		0,25		0.25			
	4	1,0	Read the text and circle the best answer:			0,75		0,25			
WRITING (2,5)	2	0,5	(Error identification) Circle A, B, or C which is not correct in standard English	0,5							
	2	1,0	(Sentence transformation) Rewrite the sentences so as its meaning keeps unchanged						1.0		
	2	1,0	(Sentence building) Write complete sentences from the words given.								1,0
LISTENING (2,0)	4	1,0	- Listen and circle the best answer	0.5		0.5					
	4	1,0	- Listen and tick True or False			1,0					
TOTAL(10,0)	36	10.0		4,0		3,0		2,0		1,0	

PARTS	CONTENTS	No. of Ques	Mark	Task types	Re		Com		Low App		High App	
					TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
LANGUAGE COMPONENT (3,0)	Pronunciation: -Q1: sounds / ʌ / , / ju / -Q 2: sounds / s/ & / z/	2	0.5	Indicate the word whose underlined part is pronounced differently form the others	0,5							
	Vocabulary: -Q 3: 1 word about furniture -Q 4: 1 word about type of room in the house. Q5:1 word about job Q6:1 word about size	4	1.0	Odd one out	1.0							
	Vocabulary: -Q7: 1 word about a part of body. Q8: 1 word about school things.	2	0.5	MCQs: Circle the best option			0,5					
	Grammar points: -Q 9: 1 sentence about the present continuous tense. -Q10: 1 sentence suggestion.	2	0.5	MCQs: Circle the best option	0,5							
	Grammar points: -Q 11: 1 sentence about adverb of frequency in the simple present tense. -Q 12: 1 sentence about the simple present	2	0,5						0,5			
READING (2,5)	-Q 13: 1 word about <u>a noun</u> -Q 14: 1 word about the structure: <u>There is</u> -Q 16: 1 word about a <u>preposition</u>	4	1.0	Filling the blanks with the given words	1.0							

	-Q 17: 1 word about a <u>preposition</u>											
	-Q 15: 1 word about a <u>noun</u> (<u>the school thing</u>) -Q 18: 1 word about a <u>possessive adjective</u>	2	0,5				0,25		0,25			
	-Q 19: <u>The Adj.</u> - Q 20: The things around the house. -Q 21: The wonderful view.	3	0.75	(Reading comprehension) Read the text about the house and circle the best answer:			0,75					
	-Q 22: The question about the number of rooms in the house. .	1	0,25						0,25			
WRITING (2,5)	-Q23: Find the mistake about possessive case. -Q 24: Find the mistake about the simple present.	2	0,5	(Error identification) Circle A, B, or C which is not correct in standard English	0,5							
	-Q 25: -1 sentence about possessive case. -Q 26: write a sentence “ There is ”	2	1.0	(Sentence transformation) Rewrite the sentences so as its meaning keeps unchanged						1.0		
	-Q 27: 1 sentence about speaking English. -Q 28: 1 sentence about cooking using the present continuous tense.	2	1.0	(Sentence building) Write complete sentences from the words given.								1.0
LISTENING (2,0)	-Q 29-32: circle the best answer	4	1.0	- Listen to some information and circle the best answer	0,5		0,5					
	-Q 33-36: Tick True or False.	4	1.0	- Listen to the house and tick True or False.			1,0					
TOTAL(10,0)		36	10.0		4.0		3.0		2.0		1.0	

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: ANH - LỚP 6

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

A/ LANGUAGE COMPONENTS: (3.0 MS)

I/ Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others (0.5 m)

- | | | |
|----------------------|--------------------|----------------------|
| 1. A. st <u>u</u> dy | B. l <u>u</u> unch | C. comp <u>u</u> ter |
| 2. A. pens <u>u</u> | B. desks <u>u</u> | C. sofas <u>u</u> |

II/ Odd one out (1 m)

- | | | |
|-------------------|------------|-------------|
| 3. A. living room | B. bedroom | C. cupboard |
| 4. A. lamp | B. hall | C. bed |
| 5. A. mother | B. brother | C. teacher |
| 6. A. between | B. large | C. under |

III/ Choose the letter A, B, C or D next to the word(s) which best completes each sentence. (1.5ms)

7. Nga has short black
A. hair B. nose C. eyes
8. We often use in a Math class
A. a school bag B. rubber C. compass
9. Nam and Hung in the library at present.
A. is reading B. are reading C. reading
10. How about a picture on the wall?
A. putting B. put C. to put
11. His brother usually football after school.
A. often play B. plays often C. often plays
12. You listen to music in her free time?
A. Do B. Does C. Is

B/ READING: (-2,5MS)

I/ Complete the passage with the words from the box.: (1.5ms)

is - his - schoolbag - on - clothes - next
--

Minh's bedroom is big but messy. There are (13) _____ on the floor. There (14) a big desk near the window, there are dirty bowls and chopsticks on it. He usually puts his (15) _____ under the desk. His bed is (16) _____ to the desk, and it is also untidy. There is a cap, some CDs and some books (17) the bed. His mum is not happy with this, and now he is tidying up (18) room.

II. Read the text and choose the correct answer (1,0pt):

Tuan lives in the country near the mountain. His house is small but it's very lovely. There are four rooms in the house with two bedrooms, a living room and a kitchen. There is a flower garden in front of the house. There is a vegetable garden behind the house. To the left of the house there is a well and to the right of the house there are a lot of tall trees. The bedroom is very bright. There is a wonderful view from his bedroom. He likes his house very much.

19. How is Tuan's house?

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| A. It's small and beautiful. | B. It's lovely and beautiful | C. It's small and lovely. |
|------------------------------|------------------------------|---------------------------|

20. The house has a in front of it.

- | | | |
|------------------|---------|---------|
| A. flower garden | B. tree | C. yard |
|------------------|---------|---------|

21. Which sentences is True?

- A. There is a wonderful view from Tuan's kitchen.
B. There is a wonderful view from Tuan's bedroom.
C. There is a wonderful view from Tuan's living room.

22. How many rooms are there in the house?

A. four rooms

B. five rooms

C. six rooms

C/ WRITING: (2,5 MS)

A. Choose the underlined word or phrase (A, B, C or D) which is not correct in standard English. (0,5 ms)

23. Trung calculator is on the table.

A

B C

24. Miss Lien live in a small house in Da Nang.

A

B

C

B. Rewrite the sentences so as its meaning keeps unchanged: (1.0 ms)

25. Mr Baker is Peter's father.

→ Peter is

26. Rewrite the sentences so as its meaning keeps unchanged:

There are two bedrooms in his house.

→ His house

27. Rearrange the words given to make meaningful sentences: (0.5 m)

We/ English/ speak/ don't/ English class / Vietnamese/ in/

28. Write complete sentence from the words given. (0.5 m)

Hoa / cook / the kitchen / the moment.

IV. LISTENING (2,0pts)

PART 1: Listen to the conversations and write the missing information by choosing

A, B or C. (1,0 pt)

29. Her football shirt is in (on) the _____. A. car B. bed C. cupboard

30. Ann's teacher has got _____ hair. A. brown B. grey C. black

31. Mum is in the _____. A. bathroom B. kitchen C. garden

32. Her sister's name is _____. A. MI B. MEI C. MAY

PART 2: Listen to Mai talking about her house and decide if the statements are true (T) or false (F). (1,0 pt)

..... 33. There are four people in Mai's family.

..... 34. Her house has seven rooms.

..... 35. In her bedroom, there is a clock on the wall.

..... 36. She often listens to music in her bedroom.

..... **THE END**

KEY

A- LANGUAGE COMPONENTS: (3ms)

- Chọn đúng mỗi câu 0.25 điểm

I.

1-C 2-C

II.

3- C 4- B 5- C 6- B

III

7- A 8- C 9.B 10. A 11C 12. A

B-Reading: (2.5 ms)

I. Điền đúng mỗi câu 0.25 điểm

13. clothes 14. is 15. schoolbag 16. next 17. on 18.his

II. Trả lời đúng mỗi câu 0.25 điểm

19. C 20.A 21.B 22.A

C-Writing: (2.5 ms)

Chọn đúng mỗi câu 0.25 điểm

23. A 24. B

Viết đúng mỗi câu 0.5 điểm

25. Peter is Mr Baker's son.

26.His house has two bedrooms.

Mỗi câu sắp xếp đúng 0.5 điểm

27. We do not speak Vietnamese in English class.

Viết đúng mỗi câu 0.5 điểm

28. Hoa is cooking in the kitchen at the moment.

D-Listening: (2ms)

I. Chọn đúng mỗi câu 0.25 điểm

29. C

30. B

31. B.

32. A.

II. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

33. F

34. F

35. T

36. F

THE END

Người ra đề

Người duyệt đề

Phan Thị Lệ Truyền

Ngô Thị Bích Hạnh

**PHÒNG GD-ĐT ĐIỆN BÀN
TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN**

**MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA
GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Công nghệ 6**

1. Phạm vi kiến thức: Từ tuần 1 đến hết tuần 8 (gồm các bài 1, 2,3 và bài 10).

2. Hình thức kiểm tra: Kết hợp 50% TNKQ và 50 %TL

3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra:

Tên Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
					TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Nhà ở	- Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở Việt Nam - Kể tên được một số vật liệu xây dựng nhà ở. - Kể tên được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. - Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh. - Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.		- Phân biệt được một số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. - Mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. - Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.		-Xác định được kiểu kiến trúc ngôi nhà em đang ở.		- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.		
Số câu hỏi	7	1	4			1		1	14
Số điểm, Tỷ lệ %	2,33 (23,3)	1,0 (10,0)	1,33 (13,3)			1,0 (10,0)		1,0 (10,0)	6,67 (56,7)
Đồ dùng điện trong gia đình	- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình. - Biết cách sử dụng an toàn đồ dùng điện trong gia đình		-Nắm và hiểu được các đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện. -Nắm vững cách sử dụng an toàn đồ dùng điện trong gia đình .		-Nêu được các đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện.				

Số câu hỏi	2		2	1		1		1	6
Số điểm, Tỷ lệ %	0,67 (6,7)		0,67 (6,7)	1,0 (10,0)		1,0 (10,0)		1,0 (10,0)	3,33 (33,3)
TS câu hỏi	9	1	6	1		2			20
TSố điểm, Tỷ lệ %	3,0 (30,0)	1,0 (10,0)	2,0 (20,0)	1,0 (10,0)		2,0 (20,0)			10,0 (100)

*- Người duyệt đề
(ký, ghi rõ họ tên);*

*- Người ra đề
(ký, ghi rõ họ tên);*



Nguyễn Lê Thùy Ngân

Thời gian làm bài 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên:Lớp: 6/.....

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Nhà ở có vai trò

- A. là nơi để con người vui chơi.
- B. là nơi để con người học tập.
- C. là nơi để con người nghỉ ngơi, giúp bảo vệ con người trước tác động của thời tiết.
- D. là nơi giúp con người cất giữ đồ dùng.

Câu 2: Nhà ở bao gồm các phần chính sau

- A. móng nhà, sàn nhà, khung nhà, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
- B. móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
- C. móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào.
- D. móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.

Câu 3: Nhà ở được phân chia thành các khu vực sinh hoạt nào?

- A. Khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực vệ sinh, khu vực thờ cúng
- B. Khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
- C. Khu vực sinh hoạt chung, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh, khu vực thờ cúng.
- D. Khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh, khu vực thờ cúng.

Câu 4: Để tạo ra vữa xây dựng người ta kết hợp các loại vật liệu nào sau đây?

- A. Cát và đá
- B. Gạch, xi măng và cát
- C. Xi măng và cát
- D. Xi măng, cát, và nước

Câu 5: Nhà Rông, nhà sàn ở miền núi thuộc kiểu kiến trúc nào?

- A. Kiểu nhà ở đô thị.
- B. Kiểu nhà ở các khu vực đặc thù.
- C. Kiểu nhà ở nông thôn.
- D. Kiểu nhà ở liên kề.

Câu 6: Trang trí nội thất, lắp đặt hệ thống điện nước là bước nào trong quy trình xây dựng nhà ở?

- A. Dự trù.
- B. Chuẩn bị.
- C. Thi công thô.
- D. Hoàn thiện

Câu 7: Các bước chính để xây dựng nhà ở theo đúng thứ tự là

- A. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện.
- B. Hoàn thiện, thi công thô, thiết kế.
- C. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện.
- D. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.

Câu 8: Nguyên tắc hoạt động của hệ thống trong ngôi nhà thông minh

- A. Xử lý- Chấp hành- Nhận lệnh.
- B. Hoạt động- Xử lý- Chấp hành- Nhận lệnh
- C. Nhận lệnh- Xử lý- Chấp hành
- D. Nhận lệnh- Chấp hành - Xử lý - Hoạt động.

Câu 9: Các thiết bị trong ngôi nhà thông minh được điều khiển từ xa bởi các thiết bị như

- A. Điện thoại đời cũ, máy tính bảng có kết nối internet.
- B. Điện thoại, máy tính bảng không có kết nối internet.
- C. Điều khiển, máy tính không có kết nối internet.
- D. Điện thoại thông minh, máy tính bảng có kết nối internet.

Câu 10: Ngôi nhà thông minh có các đặc điểm nào?

- A. An ninh, an toàn, tiết kiệm năng lượng.
- B. Tiết kiệm năng lượng, an ninh, an toàn
- C. Tiện ích, an ninh, an toàn, tiết kiệm năng lượng.
- D. Tiện ích, tiết kiệm năng lượng.

Câu 11: Ở Việt Nam, có mấy dạng nhà ở chính?

A. 1

B. 2

C.3

D. 4

Câu 12: Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kĩ thuật?

- A. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật
- B. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp
- C. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.
- D. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

Câu 13: Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là

- A. Điện áp định mức và công suất định mức.
- B. Điện áp định mức
- C. Công suất định mức
- D. Điện áp hoặc công suất định mức

Câu 14: Điện áp định mức là

- A. là mức điện áp để đồ dùng điện hoạt động bình thường (kí hiệu là V).
- B. là công suất thể hiện mức tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện.
- C. là mức cường độ dòng điện để đồ dùng điện hoạt động bình thường (kí hiệu là V)..
- D. là điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện.

Câu 15: Theo em khi sửa chữa đồ dùng điện trong nhà thì phải làm gì?

- A. Không cần phải ngắt nguồn điện, sử dụng các dụng cụ bảo vệ an toàn điện và treo biển báo cấm cầm điện.
- B. Ngắt nguồn điện, sử dụng các dụng cụ bảo vệ an toàn điện và treo biển báo cấm cầm điện.
- C. Ngắt nguồn điện, nhưng không cần sử dụng các dụng cụ bảo vệ an toàn điện.
- D. Vẫn để nguồn điện vì ngắt nguồn ảnh hưởng đến công việc người khác.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2 điểm) Nhà ở có vai trò gì? Ngôi nhà em đang ở thuộc kiểu kiến trúc nào?

Câu 2 (2 điểm): Vì sao chúng ta phải sử dụng tiết kiệm năng lượng? Gia đình em đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng nào?

Câu 3 (1 điểm): Hãy nêu các đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện thông thường?

- Người duyệt đề (ký, ghi rõ họ tên);	- Người ra đề (ký, ghi rõ họ tên);  Nguyễn Lê Thùy Ngân
--	--

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 1

NĂM HỌC: 2023- 2024

MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM:(5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
ĐA	C	D	B	D	B	D	A	C	D	C	C	D	A	A	B

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	Vai trò của nhà ở:	
	- Nhà ở là công trình được xây dựng để con người ở, bảo vệ con người trước những tác động xấu của thiên nhiên như bão lụt, mưa gió và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của cá nhân hoặc hộ gia đình.	0,75 đ
	-Nhà ở còn mang lại cho mọi người cảm giác thân thuộc, mọi người cùng tụ họp, sum vầy. Nhà cũng là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư.	0,75đ
	Trả lời đúng kiểu kiến trúc nhà ở mà học sinh đang ở	0,5 đ
Câu 2	*Lí do sử dụng tiết kiệm năng lượng: Giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên đồng thời góp phần bảo vệ ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cho con người.	1đ
	*HS nêu được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng trong gia đình - Tắt tivi khi không sử dụng. - Tắt đèn học khi học xong. - Hạn chế đóng, mở tủ lạnh. - Sử dụng điều hòa ở nhiệt độ phù hợp.	1đ
Câu 3	- Điện áp định mức: Là mức điện áp để đồ dùng điện hoạt động bình thường và an toàn, đơn vị là vôn (kí hiệu là V).	0,5đ
	- Công suất định mức: Là mức độ tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện khi hoạt động bình thường, đơn vị là oát (kí hiệu là W)	0,5 đ

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm) Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1: Thông tin là gì?

- A. Các văn bản và số liệu
- B. Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.
- C. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh
- D. Hình ảnh, âm thanh, tệp tin

Câu 2: Hoạt động xử lý thông tin gồm các quá trình:

- A. Thu nhận và xử lý thông tin
- B. Thu nhận, xử lý và truyền thông tin
- C. Lưu trữ, xử lý và truyền thông tin
- D. Thu nhận, xử lý, lưu trữ và truyền thông tin

Câu 3: Chức năng của bộ nhớ máy tính là gì?

- A. Thu nhận thông tin
- B. Trao đổi thông tin
- C. Lưu trữ thông tin
- D. Xử lý thông tin

Câu 4: Dây Bit được định nghĩa như thế nào?

- A. Là dây gồm 2 kí hiệu 0 và 1
- B. Là dây gồm các chữ cái từ A đến Z
- C. Là âm thanh phát ra từ máy tính
- D. Là dây gồm các chữ số từ 0 đến 9

Câu 5: Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dây Bit vì:

- A. Dây bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.
- B. Dây bit được xử lý dễ dàng hơn.
- C. Máy tính chỉ làm việc với hai kí tự 0 và 1.
- D. Dây bit đáng tin cậy hơn

Câu 6: Máy tính kết nối với nhau để:

- A. Chia sẻ các thiết bị
- C. Thuận lợi cho việc sửa chữa
- B. Chia sẻ dữ liệu và thiết bị
- D. Tiết kiệm điện

Câu 7: Thiết bị nào sau đây KHÔNG là vật mang tin ?

- A. Bút bi.
- B. Đĩa CD.
- C. Thẻ nhớ.
- D. Vở ghi.

Câu 8: Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận thông tin
- B. Xử lý thông tin
- C. Lưu trữ thông tin
- D. Truyền thông tin.

Câu 9: Cách đổi dung lượng nào sau đây không đúng:

- A. 1KB=1024B
- B. 1MB=1024KB
- C. 1TB=1024GB
- D. 1GB=1000MB

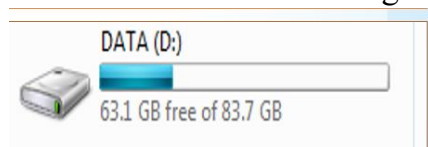
Câu 10: Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra)?

- A. Mặc đồng phục.
- B. Đi học mang theo áo mưa.
- C. Ăn sáng trước khi đến trường.
- D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

II/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.

Câu 2: (1 điểm) Em hãy quan sát hình sau và cho biết thông tin về dung lượng của ổ đĩa D?



Câu 3: (2 điểm) Trong một công ty kinh doanh, nhân viên thường xuyên phải đi lại trong và ngoài phòng làm việc để bàn bạc công việc. Họ cần kết nối mạng để hiển thị dữ liệu hay các bài thuyết trình trên máy tính xách tay, máy tính bảng. Theo em, mạng có dây có phù hợp với môi trường làm việc như vậy hay không? Vì sao?

---Hết----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm 01 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)
(mỗi câu đúng 0,5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	C	A	C	B	A	C	D	B

II/ TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1 (2.0đ)	- Có thể tra cứu tài liệu để học tập và nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin, học trực tuyến, ... Internet mang lại rất nhiều lợi ích cho học sinh trong việc học tập, trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ.	1.0 đ
	- Bên cạnh đó sau giờ học, các bạn có thể thư giãn và giải trí để tái tạo lại năng lượng, giúp tinh thần thư giãn như: nghe nhạc, xem video trực tuyến, xem các chương trình thể thao, biểu diễn nghệ thuật, chơi trò chơi, du lịch từ xa, giao lưu bạn bè, xem tin tức,...	1.0 đ
2 (1.0đ)	Tổng dung lượng ổ D: 83.7 GB	0.5đ
	Dung lượng còn trống của ổ D: 63.1 GB	0.5đ
3 (2.0đ)	- Mạng có dây không phù hợp với môi trường làm việc như vậy.	1.0 đ
	- Vì nếu sử dụng mạng có dây, dù các nhân viên đi đâu, làm gì thì máy tính của họ luôn bị gắn với sợi cáp mạng, làm vướng víu, bất tiện.	1.0 đ

(Lưu ý: Mọi cách làm khác nếu đúng thì giáo viên vẫn ghi điểm tối đa theo thang điểm)

Tổng cộng: 10 điểm

Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật chỉ cần làm các câu: 1,2,3,4,5,6,7,8

TT (1)	Chương/ chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ nhận thức (4-11)								Tổng % điểm(12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	1. Thông tin và dữ liệu	1		1						1.0 điểm (10%)
		2. Xử lý thông tin	2		1		1				2.0 điểm (15%)
		3. Thông tin trong máy tính	1		1		1	1			2.5 điểm (15%)
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	4. Mạng máy tính			1					1	2.5 điểm (35%)
		5. Internet						1			2.0 điểm (20%)
Tổng			4		4		2	2		1	10
Tỉ lệ %			20%		20%		40%		20%		100%
Tỉ lệ chung			40%				60%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết - Biết thông tin Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình. Thông hiểu - Hiểu được chức năng của mỗi loại thiết bị trong thu thập, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.	1TN	1TN		
		2. Xử lý thông tin	Nhận biết - Chức năng của bộ nhớ máy tính - Hoạt động xử lý thông tin Thông hiểu - Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động lưu trữ trong quá trình xử lý thông tin Vận dụng - Vận dụng kiến thức để xử lý tình huống	2TN	1TN	1TN	
		3. Thông tin trong máy tính	Nhận biết - Biết được định nghĩa của dãy Bit Là dãy gồm 2 kí hiệu 0 và 1 Thông hiểu - Hiểu vì sao Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit Vận dụng	1TN	1TN	1TN 1 TL	

			- Vận dụng kiến thức để đổi đơn vị dung lượng thông tin - Xác định được dung lượng của ổ đĩa trên thực tế				
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	4. Mạng máy tính	Thông hiểu - Hiểu Máy tính kết nối với nhau để làm gì Vận dụng - Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế		1TN		1 TL
3		5. Internet	Vận dụng - Lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.			1TL	
Tổng							
Tỉ lệ %				20%	20%	40%	20%
Tỉ lệ chung				40%		60%	

Duyệt của trường

Người ra đề



Lưu Thị Bích Hoàng

PHÒNG GD & ĐT THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: KHTN 6

I. MA TRẬN ĐỀ:

Phân môn	Nội dung chương	Mức độ câu hỏi								Tổng số câu
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Hoá học	Bài 12: Một số vật liệu	2								2
	Bài 11: Một số nguyên liệu	2		1						3
	Bài 12: Một số nhiên liệu				1/2		1 / 2			1
Vật lý	Bài 1:Giới thiệu về khoa học tự nhiên	2								2
	Bài 5: Đo chiều dài	1		1						2
	Bài 6: Đo khối lượng	1			1/2		1 / 2			2
Sinh học	Bài 2: An Toàn trong phòng thực hành.	2								2

	Bài 4: Sử dụng kính hiển vi quang học.			2						2
	Bài 18: Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	2								2
	Bài 19: Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào		1/2	2			1 / 2			3
	Bài 20: Sự lớn lên và sinh sản của tế bào			2					1	3
Tổng	Số câu	12	1/2	8	1(1/2 +1/2)		2		1	24 (20 TN+4 TL)
	Số điểm	3	1	2	1		2		1	10
	Tỉ lệ %	40%		30%		20%		10%		100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ:

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	TN		TL	
				Số câu	STT câu	Số câu	STT câu
CHƯƠNG III: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG	Một số vật liệu	Nhận biết	- Nhận biết được vật liệu tự nhiên và vật liệu nhân tạo - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...)	2	Câu 1 Câu 2		
	Một số nguyên liệu	Nhận biết	- Nhận biết được nguyên liệu tự nhiên và nguyên liệu nhân tạo, một số tính chất thông thường của một số nguyên liệu tự nhiên (đá, vôi...) - Nêu được ứng dụng của một số nguyên liệu trong đời sống và sản xuất.	2	Câu 3 Câu 4		
		Thông hiểu	- Trình bày được mối liên hệ giữa việc khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản với lợi ích kinh tế của đất nước. Những điều cần lưu ý trong việc khai thác nguyên liệu tự nhiên,...	1	Câu 5		
	Một số nhiên liệu	Thông hiểu	- Nếu được một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống			1/2	C1a
		Vận dụng thấp	- Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.			1/2	C1b
CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHTN	An toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	Biết cách xử lý khi bị hóa chất dính vào người. Biết được các nguyên tắc an toàn trong phòng thực hành.	2	Câu 6, 7		
	Sử dụng kính hiển vi quang học	Thông hiểu	Hiểu đặc điểm của từng loại kính, lựa chọn loại kính phù hợp để quan sát tế bào Hiểu các bước sử dụng kính hiển vi quang học.	2	Câu 11, 12		

CHƯƠNG V: TẾ BÀO	Tế bào – Đơn vị cơ bản củ sự sống.	Nhận biết	Biết được các thành phần chính và kích thước của tế bào	2	Câu 8, 10		
	Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	Nhận biết	Nhận biết được các chức năng của các thành phần của tế bào			1/2	C3a
		Thông hiểu	Phân biệt được tế bào động vật và tế bào thực vật. Hiểu được chức năng từng thành phần của tế bào.	2	Câu 9, 13		
		Vận dụng thấp	Rút ra được thành phần nào quan trọng nhất của tế bào và giải thích được nguyên nhân.			1/2	C3b
	Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	Thông hiểu	Hiểu được ý nghĩa của quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào	2	Câu 14, 15		
		Vận dụng cao	Biết tính toán một số bài toán về sự sinh sản của tế bào một cách đơn giản			1	C2
CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHTN	Bài 1:Giới thiệu về khoa học tự nhiên	Nhận biết	-Nhận biết được vật sống và vật không sống. - Nhận biết được các lĩnh vực chính của khoa học tự nhiên.	2	Câu 16,17		
	Bài 5: Đo chiều dài	Nhận biết	Nhận biết được dụng cụ dùng để đo chiều dài	1	Câu 18		
		Thông hiểu	- Hiểu được cách chọn thước đo trong từng trường hợp	1	Câu 19		
	Bài 6: Đo khối lượng	Nhận biết	Nhận biết được đơn vị đo khối lượng	1	Câu 20		
		Thông hiểu	Cần lưu ý điều gì để thu kết quả đo chính xác hơn và giải thích được vì sao.			1/2	C4a
		Vận dụng thấp	Đổi được các đơn vị khối lượng khác về đơn vị kg			1/2	C4b

Họ và tên:Lớp: 6/.....

I. TRẮC NGHIỆM: (1,25 điểm)

Câu 1: Đây là vật liệu tự nhiên?

- A. Nhựa B. Gỗ C. Thủy tinh D. Thép

Câu 2: Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

- A. Thủy tinh B. Gôm C. Kim loại D. Cao su

Câu 3: Đây là nguyên liệu nhân tạo?

- B. Mía B. Thủy tinh C. Quặng D. Dầu mỏ

Câu 4: Nguyên liệu được sử dụng để sản xuất vôi sống, phấn viết bảng, tạc tượng ...là

- A. cát. B. đá vôi. C. đất sét. D. đá.

Câu 5: Khai thác nguyên liệu trái phép sẽ:

- A. Cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản B. Gây nguy hiểm mất an toàn
C. Ảnh hưởng đến môi trường D. Cả A,B và C

Câu 6: Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

- A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu, B. Hô hấp nhân tạo.
C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

Câu 7: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

- A.. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.
B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
C Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
D. Tất cả các ý trên.

Câu 8: Tế bào gồm mấy thành phần chính

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5

Câu 9: Thành phần nào dưới đây có thể ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Nhân tế bào B. Tế bào chất C. Lục lạp D. Màng tế bào

Câu 10: Tế bào nào dưới đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào da người B. Tế bào lá cây C. Tế bào vi khuẩn D. Tế bào trứng cá

Câu 11: Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

- A. Kính có độ. B. Kính lúp cầm tay.
C Kính hiển vi quang học. D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

Câu 12: Một trong những bước sử dụng kính hiển vi quang học là:

- A. Cầm kính bằng tay trái.
B. Đặt mặt kính lúp lên vật rồi quan sát.
C. Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách sao cho nhìn rõ vật.
D. Đặt và cố định tiêu bản rồi quan sát. Sử dụng hệ thống ốc điều chỉnh để quan sát rõ vật mẫu.

Câu 13: Mô tả nào dưới đây về chức năng của thành phần tế bào là đúng?

- A. Nhân: tích trữ nước, thức ăn và chất thải của tế bào. B. Tế bào chất: chứa các bào quan.
C. Không bào: lưu giữ thông tin di truyền. D. Màng tế bào: thu nhận ánh sáng mặt trời.

Câu 14: Quá trình sinh sản của tế bào **không** có ý nghĩa

- A. Giúp cơ thể đơn bào lớn lên. B. Giúp cơ thể đa bào lớn lên.
C. Thay thế các tế bào già đã chết. D. Thay thế các tế bào bị tổn thương.

Câu 15: Nhờ quá trình nào cơ thể có được những tế bào mới để thay thế cho những tế bào già, các tế bào chết, tế bào bị tổn thương?

- A. Nhờ quá trình lớn lên của tế bào. B. Nhờ quá trình phân chia của tế bào.
C. Nhờ quá trình trao đổi chất. D. Nhờ quá trình quang hợp.

Câu 16: Khoa học tự nhiên **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Vật lí học. B. Khoa học Trái Đất. C. Thiên văn học. D. Tâm lí học.

Câu 17: Vật nào sau đây là vật sống?

- A. Con robot. B. Con gà. C. Lọ hoa. D. Nước.

Câu 18: Dụng cụ nào trong các dụng cụ sau **không** được sử dụng để đo chiều dài?

- A. Thước dây. B. Thước mét. C. Thước kẹp. D. Compa.

Câu 19: Để đo chiều dài của một vật (lớn hơn 30 cm, nhỏ hơn 50 cm) nên chọn thước nào trong các thước sau đây là phù hợp nhất?

- A. Thước có GHĐ 20 cm và ĐCNN 1 mm. B. Thước có GHĐ 50 cm và ĐCNN 1 cm.
C. Thước có GHĐ 50 cm và ĐCNN 1 mm. D. Thước có GHĐ 1 m và ĐCNN cm.

Câu 20: Đơn vị nào sau đây là đơn vị đo khối lượng

- A. mét. B. lít. C. lạng. D. độ.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1: (1,25 điểm)

- a) (0,5 điểm) Kể tên hai nhiên liệu thường dùng trong việc đun nấu ở gia đình em.
b) (0,75 điểm) Em hãy nêu cách sử dụng khí gas/xăng trong sinh hoạt gia đình (để đun nấu, chạy xe máy, ô tô...) an toàn và tiết kiệm.

Câu 2 (1 điểm) Tính.

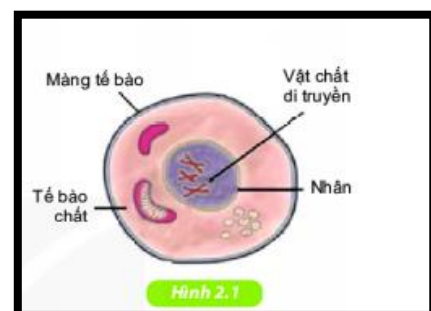
- a. Một tế bào mẹ phân chia một số lần tạo được 8 tế bào con hỏi tế bào mẹ đó đã phân chia mấy lần?
b. Có một số tế bào mẹ phân chia 2 lần tạo được 16 tế bào con hỏi có bao nhiêu tế bào mẹ tham gia quá trình phân chia?

Câu 3: (1,5 điểm) Quan sát hình sau và:

- a. Nêu chức năng các thành phần tế bào có trong hình sau.
b. Trong các thành phần đó, thành phần nào là quan trọng nhất? vì sao?

Câu 4: (1,25 điểm)

- a) (0,5 điểm) Theo em, cần lưu ý điều gì để thu kết quả đo chính xác hơn? Tại sao?
b) (0,75 điểm) Hãy đổi những khối lượng sau đây ra đơn vị kilôgam (kg).
620g = ... kg; 1,05 tấn = ...kg; 12 lạng = ...kg.



**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024 Môn: KHTN 6**

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	B	C	B	B	D	D	D	B	C	D	C	D	B	A	B	D	B	D	C	C

** Đối với HSKT làm các câu sau: 1, 2, 3, 6, 7, 8, 10, 11, 17, 18 (mỗi kết quả đúng 0,5 điểm)*

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	a) Kể tên được 2 nhiên liệu (củi, khí gas..) b) - Khi dùng than, củi hoặc gas để nấu ăn chỉ để lửa ở mức phù hợp với việc đun nấu, không để quá to hoặc quá lâu khi không cần thiết. - Với những đoạn đường không quá xa nên đi bộ hoặc đi xe đạp để tiết kiệm nhiên liệu và tăng cường vận động, tốt cho sức khỏe. - Hạn chế dùng các phương tiện cá nhân, tăng sử dụng phương tiện giao thông công cộng.	0,5 (Mỗi ý đúng 0,25) HSKT 1,5 đ 0,75 (Mỗi ý đúng 0,25)
2	a. Nhân đôi 3 lần b. 4 tế bào mẹ tham gia	0,5đ 0,5đ Ghi đúng kết quả mà không giải thích cho ½ số điểm của câu)
3	a. Chức năng các thành phần của tế bào. - Nhân: Chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào. - Tế bào chất: chứa các bào quan. - Màng tế bào: trao đổi chất b. Thành phần quan trọng nhất là nhân. vì nhân điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.	1 điểm (nêu đủ 3 ý 1 điểm, nêu 1 ý 0,25đ) HSKT 2đ 0,25đ 0,25đ
4	a) - Để thu được kết quả đo chính xác hơn, cần chọn cân có GHĐ và ĐCNN phù hợp - Vì ĐCNN càng nhỏ và phù hợp với khối lượng cần đo sẽ thu được kết quả chính xác hơn. b) 620g = 0,62kg; 1,05 tấn = 1050 kg; 12 lạng = 1,2 kg	0,25đ HSKT 1,5 đ 0,25đ Mỗi ý đúng được 0,25đ

- <i>Hiệu trưởng ký duyệt. (ký, đóng dấu);</i>	- <i>Người duyệt đề (ký, ghi rõ họ tên);</i> Thiều Minh Hoàng	- <i>Người ra đề (ký, ghi rõ họ tên);</i> Lê Thị Hồng Đẹp
---	---	--

		Nguyễn Thị Nguyệt Hằng
PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN		ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG - LỚP 6 Thời gian: 45 phút (không kể giao đề)

Câu 1. Nêu những nét cơ bản về tình hình kinh tế và thành tựu văn hoá của nền văn hoá Chăm-pa ở Quảng Nam.

Câu 2. Lập niên biểu những nét chính về lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Quảng Nam theo mẫu sau:

Thời gian	Những nét chính
Năm 1471	
Năm 1831	
Năm 1997	

----- Hết -----

Câu 1. Những nét cơ bản về tình hình kinh tế và thành tựu văn hoá của nền văn hoá Chăm-pa ở Quảng Nam

- Kinh tế: Chủ yếu sống bằng nghề nông trồng lúa nước và trồng các loại cây ăn quả, khai thác lâm thổ sản, đánh cá, làm đồ gốm, dệt vải,... Ngoài ra, cư dân Chăm-pa còn trao đổi buôn bán trong khu vực và với các nước bên ngoài như Ả Rập, Trung Quốc, Ấn Độ...

- Văn hóa: Tạo ra những công trình nghệ thuật, kiến trúc độc đáo, tiêu biểu là các tháp Chăm và trang trí phù điêu, hoa văn.

Câu 2.

Thời gian	Những nét chính
Năm 1471	Vua Lê Thánh Tông lập đạo Thừa tuyên Quảng Nam gồm các vùng đất Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định ngày nay
Năm 1831	Vua Minh Mạng đặt lại các đơn vị hành chính, cả nước có 30 tỉnh, trong đó có tỉnh Quảng Nam
Năm 1997	Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội tại Kỳ họp thứ X (Khoá IX), tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được tách thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng

*** Cách đánh giá**

- Đạt

- + Trả lời đúng cả 2 câu hỏi.
- + Trả lời đúng 1 trong 2 câu hỏi.
- + Trả lời đúng 50% nội dung trở lên cả 2 câu hỏi.

- Chưa đạt

- + Không trả lời được câu hỏi nào.
- + Trả lời không đúng dưới 50% nội dung cả 2 câu hỏi.

Tùy vào nội dung trả lời của học sinh mà giáo viên đánh giá cho hợp lý.

Lưu ý: HS khuyết tật chỉ cần làm 1 câu.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

a. Kiến thức

- ✓ Những việc nên làm khi ở môi trường mới
- ✓ Những khó khăn khi ở môi trường mới Những việc làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường mới
- ✓ Nhận diện những thay đổi của bản thân chứng tỏ em đã lớn
- ✓ Những giá trị của bản thân
- ✓ Tự tin của bản thân được thể hiện như thế nào
- ✓ Lợi ích của việc thay đổi vóc dáng, ý thức..khi em đã lớn hơn
- ✓ Quan hệ bạn bè và giá trị của bản thân
- ✓ Nguyên nhân của sự thay đổi vóc dáng

b. Kĩ năng

Qua tình huống xác định giá trị của một người

c. Thái độ:

Trung thực, tự giác, rút bài học kinh nghiệm bản thân

2. Định hướng phát triển năng lực học sinh

a. Năng lực chung:

Năng lực tự học; giải quyết vấn đề; sáng tạo; tự giác; sử dụng ngôn ngữ

b. Năng lực chuyên biệt:

xử lý tình huống theo cá nhân, tự đánh giá bản thân thông qua các tình huống thực tế.

II. Bảng mô tả ma trận đề¹

Cấp độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chủ đề Em với nhà trường	Những việc nên làm khi ở môi trường mới Những khó khăn khi ở môi trường mới	Những việc làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường mới			Mối quan hệ bạn bè				
Số câu	3 (Câu 1,3,7)	1 (Bài 1)			1 (Câu 2)				5
Số điểm	1,5	1			0,5				4
Tỉ lệ	15%	10%			5%				30%
Khám phá bản thân	Nhận diện những thay đổi của bản thân chứng tỏ em đã		Nguyên nhân của sự thay đổi vóc	Lợi ích của việc thay đổi vóc dáng, ý	Quan hệ bạn bè và giá trị của bản	Qua tình huống xác định		<i>Giải quyết tình huống để</i>	

	lớn Những giá trị của bản thân		dáng Tự tin của bản thân được thể hiện như thế nào	thức..khi em đã lớn hơn	thân	giá trị của một người		<i>chứng tỏ giá trị của một người</i>	
Số câu	3 (Câu 4,5,6)		2 (Câu 9,10)	1 (Bài 2)	1 Câu 8	1(Bài 3 a)		1 (Bài 3 b)	8
Số điểm	1,5		1	2	0,5	1		1	6
Tỉ lệ	15%		10%	20%	5%	10%		10%	70%
Tổng số câu	6	1	2	1	2	1		1	13
Tổng số điểm	3	1	1	2	1	1		1	
Tỉ lệ	40%		30%		20%			10%	100%

III. Đề kiểm tra

Họ và tên:..... Lớp: 6/	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN: HĐTN,HN Thời gian: 45 phút (không kể giao đề)	<u>Điểm</u>
----------------------------	---	--------------------

I. TRẮC NGHIỆM (5,0đ)

Câu 1: Trong giờ học, chúng ta cần làm gì để tập trung học tập?

- A. Bàn bạc trao đổi liên tục với bạn ngồi cùng.
- B. Nghe nhạc bằng tai nghe.
- C. Cô giáo nói cái gì thì ghi ngay cái đó vào vở.
- D. Chú ý quan sát, lắng nghe, không làm việc riêng, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ học tập.

Câu 2: Bạn Hà khi lên lớp 6 còn rất rụt rè và nhút nhát. Vậy nếu em là bạn của Hà em sẽ giúp bạn như thế nào để bạn tự tin hơn?

- A. Chê bai bạn, kể xấu bạn.
- B. Tâm sự, gần gũi và rủ bạn tham gia vào các hoạt động chung cùng với mình.
- C. Lôi kéo bạn khác cùng trêu bạn.
- D. Mặc kệ bạn, ai có thân người ấy lo.

Câu 3: Những việc em nên làm để phù hợp với môi trường học tập mới.

- A. Lập thời gian biểu phù hợp với môi trường học tập mới.
- B. Chủ động làm quen với bạn bè mới.
- C. Hỏi thầy cô, các anh chị lớp trên về phương pháp học các môn học mới.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 4: Những ý nào đúng cho những thay đổi của em so với khi là học sinh tiểu học.

- A. Những thay đổi về chiều cao, cân nặng, vóc dáng...
- B. Những thay đổi của em về ước mơ trong cuộc sống, về tương lai.
- C. Những thay đổi trong ý thức trách nhiệm đối với học tập.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 5: Những ý nào sau đây thể hiện mình đã lớn trong cuộc sống hàng ngày.

- A. Tự giác học tập.
- B. Nhường em nhỏ.
- C. Tôn trọng bạn bè.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 6: Những giá trị sau có đúng với bản thân em không ?

- A. Trung thực.
- B. Nhân ái.
- C. Trách nhiệm.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 7: Những điều khác biệt của trường THCS so với trường tiểu học là:

- (1) Nhiều môn học hơn.
- (2) Nhiều phương pháp, nhiều hình thức học.
- (3) Có một giáo viên dạy.
- (4) Kiến thức đa dạng, phong phú hơn.

A.(1), (3), (2)

B. (2), (3)

C.(1), (2), (4)

D.(2), (3),(4)

Câu 8: Đi học về trời nắng rất mệt, bố mẹ thì đi làm chưa về. Gặp tình huống này em sẽ làm gì?

- A. Bật quạt nằm xem TV cho bớt mệt.
- B. Cáu giận khi thấy bố mẹ về muộn.
- C. Sang nhà ông bà ăn cơm trước rồi đi ngủ.
- D. Cố gắng nấu cơm cho ba mẹ, rồi nghỉ một lát, đợi bố mẹ về ăn cơm cùng.

Câu 9: Sự thay đổi về vóc dáng các bạn trong lớp khác nhau là do:

- A. Do chế độ ăn uống, tập thể thao khác nhau; do di truyền hoặc do sự dậy thì sớm hay muộn.
- B. Do học nhiều.
- C. Do chơi thể thao.
- D. Do tham gia nhiều hoạt động chung.

Câu 10: Để luôn tự tin trong học tập thì chúng ta cần:

- A. Trên lớp tích cực quan sát, lắng nghe, học hỏi về nhà chịu khó học bài.
- B. Chép hết vào vở về nhà học thuộc.
- C. Đến lớp mượn vở bài tập của các bạn chép đầy đủ.
- D. Xin cô cho ngồi cạnh bạn học giỏi để tiện nhìn bài bạn.

II. TỰ LUẬN (5,0đ)

Bài 1 (1 đ) Em hãy nêu ít nhất 04 việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới ?

Bài 2 (2đ) Hãy giải thích sự thay đổi của bản thân em về vóc dáng, chiều cao, về ý thức trách nhiệm của bản thân đã mang lại thuận lợi gì trong môi trường học tập mới của em?

Bài 3 (2) Tình huống: Cô giáo A dạy môn Ngữ văn trên lớp của em, em rất thích học vì cô dạy dễ hiểu, yêu thương học sinh, hay động viên các bạn khi chán không muốn học. Nhưng mẹ em quen biết cô B, nghe lời cô B hay chê bai cô A nên mẹ dự định chuyển em sang lớp cô B dạy.

a/ Hành động và việc làm của cô A thể hiện giá trị trong cuộc sống là gì?

b/ Em sẽ làm gì và nói gì với mẹ để không bị chuyển lớp?

----HẾT----

HƯỚNG DẪN CHẤM

TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	D	D	D	D	C	D	A	A
Mỗi đáp án đúng 0,5 điểm										

TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	HS nêu được 4 việc nên làm để điều chỉnh bản thân VD: - Chủ động làm quen với bạn mới. - Hỏi thầy cô, các anh chị lớp trên về phương pháp các môn học mới. - Lập thời gian biểu phù hợp với môi trường học tập mới. - Thay đổi những thói quen không phù hợp trong môi trường học tập mới.	Mỗi ý đúng 0,25
2	- Sự thay đổi vóc dáng, chiều cao giúp mang cặp nhiều sách vở, tự đi xe đạp, ... - ý thức trách nhiệm: tự giác trong học tập, lên lớp chú ý nghe giảng bài, trách nhiệm với hành động và lời nói...	1 1
3	Giá trị của cô A: trách nhiệm, thương yêu giúp đỡ HS Xử lý (tùy HS)Tình huống hợp lý, có tính đạo đức ghi điểm tối đa.	1 1

Lưu ý: HS khuyến nghị chỉ cần thực hiện 5 câu trắc nghiệm và 1 câu tự luận.